

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 3 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Trúc Duyên
Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 536/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh ngày: 15/3/1989. CCCD số 096089012452. Địa chỉ: Khóm H, phường T, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm: 1995. CCCD số 096195012590. Địa chỉ: Khóm G2, phường T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2026, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:**

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị M kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 16/03/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, nay là phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông và bà M đã không chung sống vợ chồng từ tháng 6/2016 đến nay. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Mỹ A sinh ngày 27/3/2016, đang sống cùng bà M. Khi ly hôn ông L yêu cầu, tiếp tục giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông L thống nhất cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao tiền cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định không có tài sản chung. Tại phiên tòa, ông L xác định ông và bà M có 08 chỉ vàng 24K là tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông và bà M tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 19/3/2026, bà Trần Thị M xác định: Về hôn nhân bà và ông L kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thành năm 2015 và thống nhất ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Mỹ A sinh ngày 27/3/2016 đang sống cùng bà M. Khi ly hôn bà thống nhất tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà M xác định có chung 08 chỉ vàng 24K đang do ông L cất giữ. Bà yêu cầu chia đôi, buộc ông L giao lại 04 chỉ vàng 24K. Sau đó bà M rút yêu cầu để tự thỏa thuận, không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị M kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 16/03/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nay là Phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau. Ông L yêu cầu ly hôn với bà M. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Trần Thị M, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập bà M đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà M đều vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M là đúng theo quy định tại Điều 207, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hạnh phúc đã ly thân khoảng 10 năm nên yêu cầu ly hôn. Bà M thống nhất có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện ly hôn của các đương sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận cho ông L được ly hôn với bà M.

[4] Về con chung: Ông L và bà M thống nhất xác định quá trình chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Mỹ A sinh ngày 27/3/2016 đang sống cùng bà M. Khi ly hôn ông L và bà M thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà M nuôi dưỡng. Ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện của các đương sự phù hợp với pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông L thống nhất xác định có 08 chỉ vàng 24K nhưng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu phân chia. Ông L và bà M thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến nay không có cá nhân, tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của ông L và bà M. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con ông L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 217, 147, 207, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Trần Thị M.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Trần Mỹ A sinh ngày 27/3/2016 cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, giao tiền cấp dưỡng hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con), nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị M về việc phân chia tài sản chung. Hội đồng xét xử không xem xét về việc phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Văn L phải nộp. Ngày 06/01/2026 ông Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo lai thu số 0000118 của Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Ông Nguyễn Văn L phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

Bà Trần Thị M không phải nộp án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng*) đã nộp ngày 20/03/2026 theo lai thu 0002899 của Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND P.Hòa Thành, T.Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu